TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 08/2018/DS-GĐT
Ngày 10-5-2018
V/v "tranh chấp chia tài sản chung có nguồn gốc thừa kế"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Anh Hào

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thúy Hiền
- Ông Chu Xuân Minh
- Ông Nguyễn Văn Du
- Ông Lê Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: ÔngLê Thành Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm vụ án dân sự về "tranh chấp chia tài sản chung có nguồn gốc thừa kế" giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Võ Văn B, sinh năm 1926; cư trú tại: 1/7 (số mới 1008) L, Phường 13, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Ngô Văn B1, sinh năm 1952; cư trú tại: 256/137 P, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1965; cư trú tại: 16/1B C, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Võ Văn T, sinh năm 1922 (chết 2007).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T:

4.1. Bà Võ Thị V, sinh năm 1941; cư trú tại: 48/11A BHT, Phường 1, Quận AB, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Ông Võ Văn H, sinh năm 1949, chết năm 2008; những người kế thừa

quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H: Bà Thạch Thị Y, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Kim P, bà Võ Thị Phượng T, ông Võ Thành T1; cùng cư trú tại: 28/1B QT, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.3. Ông Võ Văn T2, sinh năm 1955; địa chỉ: 165 Flora Ro Wilmington I 160481 USA.

4.4. Ông Võ Văn T3, sinh năm 1957; cư trú tại: 28/1 QT, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.5. Ông Võ Văn L, sinh năm 1959; cư trú tại: 123/4C LVT, Phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.6. Ông Võ Việt H1, sinh năm 1961; cư trú tại: 35 đường số 1, căn cứ 26B, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.7. Bà Võ Thị Kim D, sinh năm 1963; cư trú tại: 122/5D Thích Quảng Đức, Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.8. Bà Võ Thị Kim X, sinh năm 1966; cư trú tại: 28/1 QT, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Thạch Thị Y, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Kim P, bà Võ Thị Phượng T, ông Võ Thành T1, bà Võ Thị V, ông Võ Văn L, bà Võ Thị Kim D, bà Võ Thị Kim X: Ông Võ Văn T3, cư trú tại: 28/1 QT, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Võ Việt H1, cư trú tại: 35 đường số 1, căn cứ 26B, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2008 và ngày 05/6/2008).

Bị đơn:

1. Ông Võ Văn L1, sinh năm 1956;

2. Bà Võ Thị Y, sinh năm 1952;

Cùng cư trú tại: 102/1 QT, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn X, sinh năm 1947; cư trú tại: 5/1, tổ 38, khu phố 3, phường TX, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Võ Văn M, sinh năm 1931; cư trú tại: 102/1A QT, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1957; cư trú tại: 90/9B QT, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Ngô Thị S, sinh năm 1954; cư trú tại: 60/467B P, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Ngô Thị B, sinh năm 1951; cư trú tại: 34/8 ấp LC, xã LTT, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

6. Bà Võ Thị B1, sinh năm 1940; cư trú tại: 72 Marshall Ave Sant paul Mn 55104 USA.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị B1: Bà Võ Thị Y là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/02/2014).

7. Bà Võ Thị M, sinh năm 1927; cư trú tại: 251 (số cũ 69/3) P, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09/11/2005 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Võ Văn B, ông Ngô Văn B1, bà Võ Thị Kim L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn T trình bày:

Nguồn gốc các diện tích đất gồm 14.059,2m^2 đất nông nghiệp và 3.471,5m^2 đất thổ vườn thuộc bằng khoán số 759, 761, 856 tại Phường 11, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do ông nội các ông là cố Võ Văn V để lại cho cha các ông là cụ Võ Văn T4 sử dụng.

Cụ T4 có 02 người vợ. Vợ đầu là cụ Nguyễn Thị H, có 02 người con gồm: ông Võ Văn T5 (chết lúc nhỏ), ông Võ Văn T (chết năm 2007, có các con là: bà Võ Thị V, ông Võ Văn T2, ông Võ Văn T3, bà Võ Thị L, ông Võ Việt H1, bà Võ Thị Kim D, bà Võ Thị Kim X, ông Võ Văn H đã chết năm 2008 có vợ là bà Thạch Thị Y và 04 người con). Sau khi cụ H chết, cụ T4 có vợ là cụ Lê Thị C, có 09 người con gồm: ông Võ Văn B, bà Võ Thị M1 (chết năm 1970, có các con là ông Ngô Văn B1, bà Ngô Thị T2, bà Ngô Thị S, bà Ngô Thị B), bà Võ Thị M, ông Võ Văn M, bà Võ Thị B1, ông Võ Văn A (chết năm 1966, có con là bà Võ Thị Kim L), ôngVõ Văn X, bà Võ Thị Y và ôngVõ Văn L1.

Cụ H chết năm 1925, cụ T4 chết năm 1983, đều không để lại di chúc. Cụ C chết năm 2001, có để lại di chúc. Các nguyên đơn không đồng ý với di chúc của cụ C, đề nghị Tòa án chia tài sản chung (gồm các diện tích đất nêu trên), cụ thể chia đều bằng hiện vật cho 10 người con của cụ T4, cụ H và cụ C.

Bị đơn là bà Võ Thị Y, ông Võ Văn L1 trình bày: Ông bà thống nhất về hàng thừa kế và nguồn gốc đất là tài sản do cha mẹ để lại như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, năm 1989 và năm 1997, cụ C đã lập di chúc phân chia đất cho các con, do đó yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Võ Văn X, ông Ngô Văn B1 (đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị T1, bà Ngô Thị S, bà Ngô Thị B), bà Võ Thị M thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn.

- Ông Võ Văn M trình bày: Trước đây khi cha mẹ còn sống đã phân chia đất cho các con. Phần đất được chia ông đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1999, nhưng do có tranh chấp nên Ủy ban nhân dân đã hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông. Ông yêu cầu được quản lý sử dụng nhà đất như hiện trạng hiện nay cha mẹ đã chia cho ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2013/DS-ST ngày 05/02/2013, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Xác định tài sản chung có nguồn gốc thừa kế của cụ T4, cụ H, cụ C để lại là diện tích đất 14.059,2m^2 tọa lạc tại Phường 12, quận G và diện tích đất 3.741,5m^2 tọa lạc tại Phường 11 (nay là Phường 8), quận G.

3. Những người được hưởng tài sản chung có nguồn gốc thừa kế gồm:

3.1. Ông Võ Văn B;

3.2. Những người thừa kế cho bà Võ Thị M1 (gồm: ông Ngô Văn B1, bà Ngô Thị T1, bà Ngô Thị S, bà Ngô Thị B);

3.3.Bà Võ Thị M;

3.4. Ông Võ Văn M;

3.5. Bà Võ Thị B1;

3.6. Người thừa kế của ông Võ Văn A (bà Võ Thị Kim L);

3.7. Ông Võ Văn X;

3.8. Bà Võ Thị Y;

3.9. Ông Võ Văn L1;

3.10. Những người thừa kế cho ông Võ Văn T (gồm: Bà Võ Thị V, những người thừa kế của ông Võ Văn H (gồm: bà Thạch Thị Y, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Kim P, bà Võ Thị Phượng T, ông Võ Văn Tài), ông Võ Văn T2, ông Võ Văn T3, bà Võ Thị L1, ông Võ Việt H1, bà Võ Thị Kim D và bà Võ Thị Kim X;

4. Cụ thể chia như sau:

4.1. Đối với phần diện tích 14.059,2m^2:

Theo bản vẽ của Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh và bản vẽ của Công ty TNHH G, được chia thành 10 phần gồm A, B, C, D, E, F, G, H, I, J:

Ông Võ Văn B được nhận phần A (1.296,5m^2) và tạm giao phần A1 (88,8m^2) là lộ giới, khi nào bị giải tỏa sẽ được giải quyết theo luật định;

Những người thừa kế của bà M1 gồm: Ông Ngô Văn B1, bà Ngô Thị T1, bà Ngô Thị S, bà Ngô Thị B được nhận phần B (1,296,1m^2);

Ông Võ Văn X được nhận phần C (1.295,3m^2) và tạm giao phần C1 (124m^2), C2 (236,1m^2) là lộ giới, khi nào bị giải tỏa sẽ được giải quyết theo luật định;

Bà Võ Thị M được nhận phần D (1.296m^2);

Ông Võ Văn M được nhận phần E (1.296m^2);

Người thừa kế của ông Võ Văn A là bà Võ Thị Kim L được nhận phần F (1.296,1m^2);

Những người thừa kế của ông Võ Văn T gồm: Bà Võ Thị V, những người thừa kế của ông Võ Văn H (gồm: bà Thạch Thị Y, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị

Kim P, bà Võ Thị Phượng T, ông Võ Văn T1), ông Võ Văn T2, ông Võ Văn T3, bà Võ Thị L1, ông Võ Việt H1, bà Võ Thị Kim D và bà Võ Thị Kim X, được nhận phần G (1.223,2m^2);

Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế của ông T đồng ý mở lối đi vào khu mộ ký hiệu G1 diện tích 73,5m^2;

Ghi nhận việc ông B, những người thừa kế của bà M1, ông X, bà M, bà L (thừa kế của ông A) tự nguyện hỗ trợ cho những người thừa kế của ông T số tiền: 73,5m^2 x 4.000.000 đồng/m^2 (theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá Thành phố Hồ Chí Minh) = 294.000.000 đồng;

Bà Võ Thị B1 được nhận phần H (1.296,1m^2);

Bà Võ Thị Y được nhận phần Y (1.296,1m^2);

Ông Võ Văn L1 được nhận phần J (1.296,3m^2);

Xác định phần diện tích ký hiệu 1 (649,1m^2) là phần đường đi nội bộ của các đương sự và phần ký hiệu 2 (118,9m^2) là diện tích khu mộ gia tộc.

4.2. Đối với phần diện tích 3.741,5m^2:

Theo bản vẽ của Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh và bản vẽ của Công ty TNHH G, được chia làm 10 phần gồm A, B, C, D, E, F, G, H, I, J.

Ông Võ Văn B được nhận phần A (302,5m^2);

Những người thừa kế của bà M1 gồm: Ông Ngô Văn B1, bà Ngô Thị T1, bà Ngô Thị S, bà Ngô Thị B được nhận phần B (301,5m^2);

Bà Võ Thị B1, ông Võ Văn L1, bà Võ Thị Y được nhận các phần C (301,1m^2), D (301,3m^2), E (300,5m^2) trên các phần này có nhà của ông L1, bà Y, nên giao ông L1, bà Y quản lý phần của bà B1 khi nào bà B1 có yêu cầu thì ông L1, bà Y giao lại cho bà B1 theo luật định;

Người thừa kế của ông Võ Văn A là bà Võ Thị Kim L được nhận phần F (300,6m^2). Ghi nhận việc bà L tự nguyện giao cho ông Minh phần F1 (61,9m^2) vì có phần nhà của ông M.

Ghi nhận việc ông B, những người thừa kế của bà M1, ông X, bà M tự nguyện hỗ trợ cho bà L số tiền 61,9m^2 x 10.000.000 đồng/m^2(theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá Thành phố Hồ Chí Minh) = 691.000.000 đồng;

Ông Võ Văn M được nhận phần G (300,9m^2);

Những người thừa kế của ông Võ Văn T gồm: Bà Võ Thị V, những người thừa kế của ông Võ Văn H (gồm Bà Thạch Thị Y, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Kim P, bà Võ Thị Phượng T, ông Võ Văn T1), ông Võ Văn T2, ông Võ Văn T3, bà Võ Thị L1, ông Võ Việt H1, bà Võ Thị Kim D và bà Võ Thị Kim X được nhận phần H (300,6m^2);

Bà Võ Thị M được nhận phần I (300,4m^2).

Ông Võ Văn X được nhận phần J (339,2m^2), ghi nhận việc ông X tự nguyện cắt 17,5m^2 ký hiệu J1 để làm đường vào khu mộ và tạm giao cho ông X phần J2 (124,4m^2) là lộ giới, khi nào giải tỏa sẽ được giải quyết theo luật định.

Xác định phần diện tích ký hiệu 1 (383,7m^2) là phần đường đi nội bộ của các đương sự và phần ký hiệu 2 (184,8m^2) là diện tích khu mộ gia tộc.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí đo vẽ, định giá và quyền kháng cáo.

Ngày 07/02/2013, bà Võ Thị Y, ông Võ Văn L1 có đơn kháng cáo.

Ngày 19/02/2013, ông Võ Văn M, ông Võ Văn X có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 130/2014/DS-PT ngày 03/6/2014, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Y, ông Võ Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn M, ông Võ Văn X.

- Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về các kỷ phần mà các đồng thừa kế được hưởng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Xác định tài sản chung có nguồn gốc thừa kế của cụ T4, cụ H và cụ C để lại là diện tích đất 14.059,2m^2 tọa lạc tại Phường 12, quận G và diện tích đất 3.741,5m^2 tọa lạc tại Phường 11 (nay là Phường 8), quận G.

3. Những người được hưởng tài sản chung có nguồn gốc thừa kế gồm:

- Ông Võ Văn B;

- Những người thừa kế của bà Võ Thị M1 bao gồm: ông Ngô Văn B1, bà Ngô Thị T1, bà Ngô Thị S, bà Ngô Thị B;

- Bà Võ Thị M;

- Ông Võ Văn M;

- Bà Võ Thị B1;

- Người thừa kế của ông Võ Văn A là bà Võ Thị Kim L;

- Ông Võ Văn X;

- Bà Võ Thị Y;

- Ông Võ Văn L1;

- Những người thừa kế của ông Võ Văn T gồm: Bà Võ Thị V, những người thừa kế của ông Võ Văn Hà (gồm bà Thạch Thị Y, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Kim P, bà Võ Thị Phượng T, ông Võ Văn T1), ông Võ Văn T2, ông Võ Văn T3, bà Võ Thị L1, ông Võ Việt H1, bà Võ Thị Kim D và bà Võ Thị Kim X;

1. Cụ thể chia như sau:

a. Đối với phần diện tích 14.059,2m^2:

Theo bản vẽ của Trung tâm đo đạc bản đồ thành phố Hồ Chí Minh và bản vẽ của Công ty TNHH T được chia thành 10 phần gồm A, B, C, D, E, F, G, H, I, J.

Ông Võ Văn B được nhận phần A (1.296,5m^2) và tạm giao phần A1 (88,8m^2) là lộ giới, khi nào bị giải tỏa sẽ được giải quyết theo luật định;

Những người thừa kế của bà M1 gồm: ông Ngô Văn B1, bà Ngô Thị T1, bà Ngô Thị S, bà Ngô Thị B được nhận phần B (1.296,1m^2);

Ông Võ Văn X được nhận phần C (1.295,3m^2) và tạm giao phần C1 (124m^2), C2 (236,1m^2) là lộ giới, khi nào bị giải tỏa sẽ được giải quyết theo luật định;

Bà Võ Thị M được nhận phần D (1.296m^2);

Ông Võ Văn M được nhận phần E (1.296m^2);

Người thừa kế của ông Võ Văn A là bà Võ Thị Kim L được nhận phần F (1.296,1m^2);

Những người thừa kế của ông Võ Văn T gồm: Bà Võ Thị V, những người thừa kế của ông Võ Văn Hà (gồm bà Thạch Thị Y, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Kim P, bà Võ Thị Phượng T, ông Võ Văn T1), ông Võ Văn T2, ông Võ Văn T3, bà Võ Thị L1, ông Võ Việt H1, bà Võ Thị Kim D và bà Võ Thị Kim X được nhận phần G (1.223,2m^2);

Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế của ông T đồng ý mở lối đi vào khu mộ, ký hiệu G1 diện tích 73,5m^2;

Ghi nhận việc ông B, những người thừa kế của bà M1, ông X, bà M, bà L (thừa kế của ông A) tự nguyện hỗ trợ cho những người thừa kế của ông T số tiền: 73,5m^2 x 4.000.000 đồng/m^2 (theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá thành phố Hồ Chí Minh) = 294.000.000 đồng;

Bà Võ Thị B1 được nhận phần H (1.296,1m^2). Tạm giao kỷ phần thừa kế của bà Võ Thị B1 (đang định cư ở nước ngoài) được hưởng cho bà Võ Thị Y quản lý để giao lại cho bà B1 trong giai đoạn thi hành án;

Bà Võ Thị Y được nhận phần I (1.296,1m^2);

Ông Võ Văn L1 được nhận phần J (1.296,3m^2);

Xác định phần diện tích ký hiệu 1 (649,1m^2) là phần đường đi nội bộ của các đương sự và phần ký hiệu 2 (118,9m^2) là diện tích khu mộ gia tộc.

b. Đối với phần diện tích 3.741,5m^2:

Theo Trung tâm bản vẽ và đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh và bản vẽ của Công ty TNHH T được chia làm 10 phần bao gồm: A, B, C, D, E, F, G, H, I, J.

Ông Võ Văn B được nhận phần A (302,5m^2);

Những người thừa kế của bà M1 gồm: ông Ngô Văn B1, bà Ngô Thị T1, bà Ngô Thị S, bà Ngô Thị B được nhận phần B (301,5m^2);

Bà Võ Thị B1, ông Võ Văn L1, bà Võ Thị Y được nhận các phần C (301,1m^2), D (301,3m^2), E (300,5m^2) trên các phần này có nhà của ông L1, bà Y nên tạm giao kỷ phần thừa kế của bà Võ Thị B1 (đang định cư ở nước ngoài) được hưởng cho bà Võ Thị Y quản lý để giao lại cho bà B1 trong giai đoạn thi hành án.

Người thừa kế của ông Võ Văn A là bà Võ Thị Kim L được nhận phần F (300,6m^2). Ghi nhận bà L tự nguyện giao cho ông M phần F1 (61,9m^2) vì có phần nhà của ông M.

Ghi nhận việc ông B, những người thừa kế của bà M1, ông X, bà M tự nguyện hỗ trợ cho bà L số tiền 61,9m^2 x 10.000.000 đồng/m^2 (Theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá Thành phố Hồ Chí Minh) = 691.000.000 đồng;

Ông Võ Văn M được nhận phần G (300,9m^2);

Những người thừa kế của ông Võ Văn T gồm: Bà Võ Thị V, những người thừa kế của ông Võ Văn H (gồm Bà Thạch Thị Y, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị Kim P, bà Võ Thị Phượng T, ông Võ Văn T1), ông Võ Văn T2, ông Võ Văn T3, bà Võ Thị L1, ông Võ Việt H1, bà Võ Thị Kim D và bà Võ Thị Kim X được nhận phần H (300,6m^2);

Bà Võ Thị M được nhận phần I (300,4m^2).

Ông Võ Văn X được nhận phần J (339,2m^2), ghi nhận việc ông X tự nguyện cắt 17,5m^2 ký hiệu J1 để làm đường vào khu mộ và tạm giao cho ông X phần J2 (124,4m^2) là lộ giới, khi nào giải tỏa sẽ được giải quyết theo luật định;

Xác định phần diện tích ký hiệu 1 (383,7m^2) là phần đường đi nội bộ của các đương sự và phần ký hiệu 2 (184,8m^2) là diện tích khu mộ gia tộc.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 27/9/2014, bà Võ Thị Y có đơn đề nghị xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 36/2017/KN-DS ngày 29/5/2017, Chánh án Toà án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 130/2014/DS-PT ngày 03/6/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2013/DS-ST ngày 05/02/2013 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo các đương sự khai thừa nhận và các tài liệu trích sao Sổ điển thổ ngày 04/8/2006 của Trung tâm thông tin Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thì diện tích đất tranh chấp gồm 14.059,2m^2 đất nông nghiệp và 3.471,5m^2 đất thổ vườn, thuộc bằng khoán số 856, 759, 761 Phường 11, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có nguồn gốc do cố Võ Văn V để lại cho cụ Võ Văn T4. Cụ T4 đã đứng bộ tại Tờ lược giải số 01 ngày 25/01/1945 và ngày 21/02/1946 làng An Hội. Cụ T4 có vợ là cụ Nguyễn Thị H. Sau khi cụ H chết (năm 1925), cụ T4 lấy vợ là cụ Lê Thị C. Cụ T4 chết năm 1983, cụ C chết năm 2001. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ cụ T4 được cố V cho các diện tích đất tranh chấp vào thời điểm nào, trước hay sau khi cụ H chết, để xác định có phần tài sản của cụ H trong khối di sản hay không? Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ vấn đề này lại xác định đất tranh chấp là tài sản chung của cụ T4 và cụ H, mỗi người được hưởng ½ giá trị, sau khi cụ H chết cụ T4 chung sống với cụ C, nên cụ C có quyền đối với ¼ giá trị tài sản là chưa đủ căn cứ vững chắc.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Võ Văn L1 và bà Võ Thị Y cho rằng cụ C có lập "Chứng thư di chúc" ngày 16/5/1997 và yêu cầu phân chia di sản theo di chúc của cụ C; nhưng bà Y, ông L1 không xuất trình bản chính "Chứng thư di chúc" nêu trên theo yêu cầu của Tòa án. Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Võ Thị Y có đơn đề nghị và xuất trình bản chính "Chứng thư di chúc" ngày 16/5/1997 của cụ Lê Thị C, đồng thời cung cấp cho Tòa án nhân dân tối cao bản sao bản di chúc nêu trên có chứng thực của Phòng Công chứng số 5 Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, cần xem xét xác định di chúc của cụ C có hợp pháp về hình thức và nội dung hay không?. Nếu di chúc của cụ C hợp pháp thì cần chia thừa kế theo di chúc đối với phần di sản của cụ C. Mặt khác, khi xét xử cần xem xét đến công sức của người quản lý di sản để đảm bảo quyền lợi của đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 36/2017/KN-DS ngày 29/5/2017 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 130/2014/DS-PT ngày 03/6/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2013/DS-ST ngày 05/02/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án "Tranh chấp chia tài sản chung có nguồn gốc thừa kế" giữa nguyên đơn là ông Võ Văn B, ông Ngô Văn B1, bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn T với bị đơn là ông Võ Văn L1, bà Võ Thị Y; người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn X, ông Võ Văn M, bà Ngô Thị T1, bà Ngô Thị S, bà Ngô Thị B, bà Võ Thị B1, bà Võ Thị M.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (kèm hồ sơ vụ án);
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THA dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ Pháp chế & QLKH, Vụ GĐKT II (2 bản), hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tống Anh Hào